TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MS** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 112/2023/QĐST-HNGĐ	*MS, ngày 19 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 162/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị B, sinh năm 1989. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản Kẹ Nhừn, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Tòng Văn S, sinh năm 1978. Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Bản Kẹ Nhừn, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2023;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lò Thị B và anh Tòng Văn S

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Chị Lò Thị B và anh Tòng Văn S nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung:

Chị B, anh S có 02 con chung là cháu Tòng Đức M sinh ngày 12/12/2008 và cháu Tòng Tuyết N sinh ngày 20/11/2010.

Giao cháu Tòng Tuyết N cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Giao cháu Tòng Đức M cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, chị B, anh S được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị B, anh S thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

c. Về tài sản chung: Chị B, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

d. Về nợ chung: Không có

đ. Về án phí: Chị Lò Thị B nhận chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000VNĐ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo B lai thu số AA/2021/0003117 ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La. Chị B được nhận lại số tiền 150.000VNĐ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện MS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện MS;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã CM;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân